SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 164 /TB-BVP

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 5 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp, kinh doanh hóa chất

Bệnh viện Phổi có kế hoạch tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn của bệnh viện. Để có cơ sở tham khảo giá dự toán theo quy định hiện hành, Bệnh viện đề nghị các nhà thầu cung cấp khí y tế có năng lực và quan tâm gửi bảng chào giá mặt hàng sau:

(có danh mục chi tiết kèm theo)

Bảng chào giá thể hiện đầy đủ chủng loại, nơi sản xuất, tiêu chuẩn sản xuất, đảm bảo sử dụng ngay khi thực hiện mua sắm.

Địa chỉ nhận báo giá: Khoa dược - Bệnh viện Phổi – Tổ 17 – Phường An Tường – Thành phố Tuyên Quang – Tỉnh Tuyên Quang.

Bệnh viện Phổi trân trọng thông báo./

Nơi nhận:
-Như trên;
- Lưu VT, Dược

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỔI

Nguyễn Thị Thu Hà

SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT NĂM 2023

(Đính kèm Thư mời chào giá 164/TB-BVP ngày 17 tháng 05 năm 2023 của Bệnh viện Phổi)

STT	Tên hàng hoá	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 20 lít/thùng	Thùng	10
2	Dung dịch hệ thống	Dung dịch hệ thống dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 20 lít/thùng	Hộp	10
3	Dung dịch ly giải	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 500ml/chai	Hộp	5
4	Dung dịch sử dụng khi tắt máy	Dung dịch sử dụng khi tắt máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 100ml/lọ	Hộp	5
5	Dung dịch thông kim hút mẫu	Dung dịch thông kim hút dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 17ml/lọ	Hộp	5
6	Dung dịch chuẩn	Hoá chất chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 3ml/lọ	Hộp	3
7	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm thường quy mức trung bình	Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 3ml/lọ	Lọ	3
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml; hoá chất đơn; dải tuyến tính: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1%	Hộp	4
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50ml + R2: 1x26ml; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/ khối lượng	Hộp	8
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50ml + R2: 1x26ml; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/ khối lượng	Hộp	8

STT	Tên hàng hoá	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml; tỉ lệ R2/R1: 1/1; dải tuyến tính: 0.5-15 mg/dL (44-1326 µmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8,73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312,5 mmol/L - Disodium phosphate: 12,5 mmol/L Chất chuẩn: 1x5ml - Creatinine: 2 mg/dL (177µmol/L)	Hộp	4
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT trên máy sinh hóa; quy cách R1: 4x50ml + R2: 2x26ml; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính:15-1200 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Glycylglycine , pH 7,70: 138 mmol/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -GLUPAC-C: 23 mmol/L -Sodium azide: <0.1%	Hộp	4
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: 4 x 250 ml, bao gồm standard; hoá chất đơn; dải tuyến tính: 20-400 mg/dL ((1.11 - 22.20 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7,4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrin: 0,3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	Hộp	5
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Phosphorus trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125ml + Std: 1x5ml; hoá chất đơn; dải tuyến tính: huyết thanh/huyết tương 2-20 mg/dL (0.65-6.46 mmol/L), nước tiểu 10-200 mg/dL (3.2-64.6 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Sulfuric acid: 210 mmol/L - Amoni Molybdate: 650 µmol/L - Surfactant Chất chuẩn: - Phosphorus: 5mg/dL (1.61 mmol/L)	Hộp	4
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trên máy sinh hóa; quy cách R1: 4x50ml + R2: 2x26ml; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Tris buffer, pH 7.60 -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -NADH: 1,3 mmol/L -Sodium azide: <0.1%	Hộp	8
16	Hoá chất kiểm chuẩn thông thường cho các xét nghiệm thường quy	Hoá chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm thường quy; 10 x 5 ml/hộp Huyết thanh người đông khô	Hộp	3
17	Hoá chất kiểm chuẩn bất thường cho các xét nghiệm thường quy	Hoá chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm thường quy; 10 x 5 ml/hộp Huyết thanh người đông khô	Hộp	4

STT	Tên hàng hoá	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Hoá chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm thường quy; 4 x 3 ml/hộp: Huyết thanh người đông khô	Hộp	4
19	Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa	*Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 1 lít/hộp *Thành phần: Hydrochloride ≤0,5%	Chai	5
20	Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa	*Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/hộp *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	Can	3
21	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn lao	-Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. -Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9 với công thức trên 1L nước tinh khiết: Canh trường Middlebrook 7H9: 5.9g; Casein Peptone 1.25g. - Bảo quản ở 2 - 25oC.	Hộp	5
22	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao	- Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.1g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 µg, Nalidixic axit 2,400 µg, Trimethoprim 600 µg, Azlocillin 600 µg. -Bảo quản ở 2 -8oC.	Hộp	4
23	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi khuẩn lao	- Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex. -Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc -Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. -Bảo quản ở 2 - 35oC.	Hộp	4
24	Ống chuẩn máy nuôi cấy và làm kháng sinh đồ vi khuẩn lao	- Được sử dụng trên máy BD BACTECTM MGITTM 960/320, dùng để hiệu chỉnh bộ phận phát hiện của máy - Sản phẩm có chứa cao su tự nhiên - Bảo quản tối ở 2–25 °C.	Bộ	5
25	Bộ nhuộm vi khuẩn lao huỳnh quang	- Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. - Thuốc nhuộm huỳnh quang có đặc tính phát ra bức xạ nhìn thấy được khi được kích thích bởi ánh sáng cực tím có bước sóng ngắn hơn, - Bộ thuốc thử bao gồm: (công thức tương ứng trên 1 Lít) + 1 chai 250 mL TB Auramine M: Auramine O 2.0g, Phenol USP 4.0g, Glycerine USP 100.0mL, Isopropanol 250.0mL, Nước cất 650.0mL. + 1 chai 250 mL TB Khử màu TM: Axit hydrochloric 5.0mL, Isopropanol 700.0mL, Nước cất 300.0mL. + 1 chai 250 mL TB Potassium Permanganate:Potassium Permanganate 5.0g, Nước cất 1000.0mL.	Hộp	2
26	Cartridge	Hóa chất dùng cho máy khí máu điện giải i-Smartcare 10	Hộp	3
27	Hóa chất kiểm chuẩn máy khí máu	Chất chuẩn cho máy khí máu điện giải	Hộp	3
28	Ống đựng mẫu	Nắp chặn cục máu đông	Hộp	3
29	Bơm tiêm khí máu động mạch	Bơm tiêm lấy khí máu động mạch. - Có kim 25G x 5/8 inch. - Thể tích 1ml. - Chế độ cài đặt thể tích máu trước khi lấy - Có nắp đậy slip tip - Loại chất chống đông: Lithium Heparin cân bằng Canxi dạng phun khô	Cái	300
30	N-acetyl-L-Cystein (NALC)		Lọ	2
31	Acid clohydric (Đặc)		Chai	2
32	Na2HPO4 (Dinatri hydrophosphat)		Lọ	3
33	KH2PO4 (Kalidyhydrophosphat)		Lọ	2
34	Xanh Methylen (Methylen blue)		Chai	2
35	Fucsin		Chai	2
36	Natri Hydroxid (NaOH)		Lọ	1
37	Tri-Sodium citrate dihydrate		Lọ	2
38	Cloramin B25%		kg	250